

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v báo cáo tình hình phân bổ
nguồn tăng thu, tiết kiệm chi
NSDP năm 2021

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công điện số 310/CĐ-TTg ngày 10/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các địa phương gửi kết quả phân bổ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương năm 2021 để thực hiện đầu tư các công trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 5 năm 2022 để tổng hợp chung, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2022.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Bình Định đã tổng hợp và báo cáo kết quả phân bổ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương năm 2021 để thực hiện đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh theo phụ lục chi tiết kèm theo công văn này.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Ng. Tự Công Hoàng;
- Các Sở: Tài chính, KH và ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /5/2022 của UBND tỉnh)

đvt: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
	TỔNG CỘNG (A+B)	2.186.271	573.266	1.613.005	
A	Ngân sách cấp tỉnh (tăng thu từ nguồn tiền sử dụng đất và Xổ số kiến thiết)	1.073.140	-	1.073.140	
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, TP Quy Nhơn (Đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	27.456		27.456	
2	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	7.135		7.135	
3	Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT 638) đoạn Km137+580 - Km143+787	23.994		23.994	
4	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	10.332		10.332	
5	Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	27.500		27.500	
6	Dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	7.500		7.500	
7	Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	31.000		31.000	
8	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	34.200		34.200	
9	Dự án Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	16.368		16.368	
10	Dự án Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	3.269		3.269	
11	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	26.634		26.634	
12	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	10.000		10.000	
13	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	21.900		21.900	
14	Tuyến đường liên khu vực kết nối tuyến đường đi Nhơn Lý đến khu lõi đô thị	6.226		6.226	
15	Công trình khu đất ở phía Nam đường trục KKT nối dài tại lý trình Km2+400	19.251		19.251	
16	Bồi thường, hỗ trợ do GPMB tại vị trí các đường nhánh nằm trong ranh giới quy hoạch của Khu dân cư tại cụm Kho bãi dọc Quốc lộ 1D, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	22.299		22.299	
17	Hạ tầng kỹ thuật và cá dự án khác thuộc Khu Đô thị khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2 , phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	26.426		26.426	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
18	Đường trục Khu kinh tế nối dài (đoạn Km4+00-Km18+500)	3.669		3.669	
19	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vự 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	29.808		29.808	
20	Mở rộng trường Cao đẳng Bình Định (hạng mục: Nhà thực hành nghề số 01), phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	1.161		1.161	
21	Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô mới Long Vân (khu A 2) Phường Trần Quang Diệu, thành Phố Quy Nhơn	5.599		5.599	
22	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Long Vân	3.164		3.164	
23	Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội, Phần tuyến đường ngoài phạm vi dự án Khu đô thị mới Chợ Góc, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn và Hạ tầng kỹ thuật dự án đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Phường Nhơn Bình, Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội- Nhơn Hải (đoạn từ Khu du lịch Hải Giang đến nút giao với đường N1)	2.046		2.046	
24	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất xí nghiệp Song mây xuất khẩu, phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	3.916		3.916	
25	Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	1.793		1.793	
26	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	99.432		99.432	
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn)	7.777		7.777	
28	Hoàn trả tạm ứng Chương trình bê tông xi măng GTNT và Kiên cố hóa kênh mương	5.966		5.966	
29	Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1)	83.000		83.000	
30	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	45.000		45.000	
31	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	10.000		10.000	
32	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	20.000		20.000	
33	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	60.000		60.000	
34	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi	30.000		30.000	
35	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 Khu đô thị mới Nhơn Hội	1.575		1.575	
36	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hội	2.000		2.000	
37	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	10.000		10.000	
38	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài	10.000		10.000	
39	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	20.000		20.000	
40	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	9.000		9.000	
41	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	9.000		9.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
42	Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và GPMB Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	4.000		4.000	
43	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	20.000		20.000	
44	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	15.000		15.000	
45	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	50.000		50.000	
46	Xây dựng cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	10.000		10.000	
47	Sửa chữa, mở rộng cầu Phụ Ngọc	10.000		10.000	
48	Nâng cao độ nền mặt đường tuyến ĐT 640 đoạn Km 18+178 - Km 19+231	10.000		10.000	
49	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 636, đoạn qua xã Phước Hòa, Phước Hưng thuộc địa bàn huyện Tuy Phước	1.000		1.000	
50	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hải Tây	5.000		5.000	
51	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	18.579		18.579	
52	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	10.000		10.000	
53	Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	5.000		5.000	
54	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trâu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	30.000		30.000	
55	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	10.000		10.000	
56	Doanh trại Ban CHQS thị xã Hoài Nhơn	2.000		2.000	
57	Đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	2.500		2.500	
58	Cải tạo, sửa chữa Bia lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh	1.000		1.000	
59	Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an các xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	28.500		28.500	
60	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc P.Tham mưu, Làm sa bàn, Nhà huấn luyện A2, Hạ tầng kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh	2.000		2.000	
61	Công trình: Sh03-BĐ2021	1.500		1.500	
62	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định	3.000		3.000	
63	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	1.800		1.800	
64	Nhà lắp đặt máy xạ trị gia tốc bệnh viện Đa khoa tỉnh	8.000		8.000	
65	Cải tạo, sửa chữa khu nhà Nội Nhi bệnh viện Đa khoa tỉnh	8.000		8.000	
66	Nội thất Đền thờ Võ Văn Dũng	2.000		2.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
67	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và hiệu bộ	1.300		1.300	
68	Xây dựng các Trường THCS Tăng Bạt Hồ, Ân tường Tây, Ân Nghĩa, Mầm non trên địa bàn huyện Hoài Ân	2.578		2.578	
69	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Tiến, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng, Nhà hiệu bộ và Nhà ăn + bếp	1.000		1.000	
70	Trường Trung học cơ sở Cát Tài, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng và Trường THCS Mỹ Tài, Mỹ Trinh	948		948	
71	Trường Tiểu học Bình Tân và Trường mầm non Phú Phong;	1.000		1.000	
72	Trường Mẫu giáo Nhơn Hòa (điểm chính Tân Hòa) 02 tầng 08 phòng (5 phòng học +3 phòng chức năng)	1.300		1.300	
73	Trường Tiểu học số 1 phường Bình Định (nhà lớp học 02 tầng 12 phòng)	900		900	
74	Trường Tiểu học số 2 phường Bình Định (điểm chính Thanh Niên) - Hạng mục Nhà chức năng phục vụ học tập 02 tầng 06 phòng	600		600	
75	Trường THCS Hoài Thanh. HM: Nhà bộ môn 02T06P và Nhà hiệu bộ	1.139		1.139	
76	Trường THCS Hoài Đức và Trường TH số 2 Tam Quan Bắc, hạng mục: nhà lớp học 03 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	848		848	
77	Trường THCS Hoài Mỹ. HM: Nhà bộ môn, NLH 02T12P và Nhà hiệu bộ	1.300		1.300	
78	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế các xã Phước Sơn, Hoài Hải, Bồng Sơn	1.767		1.767	
79	Trường THPT Tăng Bạt Hồ (HM: Nhà lớp học 03 tầng 15 phòng)	1.000		1.000	
80	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ. HM: Nhà lớp học, bộ môn và chức năng 03T (04PH, 06BM, 02PCN)	1.000		1.000	
81	Cải tạo hệ thống điện của BVĐK tỉnh Bình Định	2.185		2.185	
B	Ngân sách cấp huyện, thị xã và thành phố (tăng thu và tiết kiệm chi từ nguồn tiền sử dụng đất)	1.113.131	573.266	539.865	
I	UBND huyện Hoài Ân	800	800	-	
1	Xây dựng khu cách ly tập trung để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 (cơ sở 2)	400	400		
2	Sửa chữa khu cách ly tập trung để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 (cơ sở 4) và các chốt khai báo y tế	400	400		
II	UBND huyện Vân Canh	288	288	-	
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Suối Mây thị trấn Vân Canh	288	288		
III	UBND huyện Tây Sơn	94.341	-	94.341	
1	Đối ứng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án tỉnh đầu tư trên địa bàn huyện	60.000		60.000	
2	Bổ sung vốn đầu tư các công trình khởi công mới thuộc danh mục năm 2022 để đảm bảo việc cân đối vốn theo Luật Đầu tư công	20.000		20.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
3	Công trình đã thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công	11.535		11.535	
4	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại Cụm Công nghiệp Tây Xuân và điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Cụm Công nghiệp Phú An	835		835	
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông liên xã	1.971		1.971	
IV	UBND huyện Vĩnh Thạnh	4.069	4.069	-	
1	Khu dân cư Trung tâm xã Vĩnh Hiệp (Bố trí vốn thu hồi ứng)	2.569	2.569		
2	Trường Tiểu học thị trấn Vĩnh Thạnh (Đối ứng ngân sách tỉnh)	1.000	1.000		
3	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hiệp (Đối ứng ngân sách tỉnh)	500	500		
V	UBND huyện Phù Cát	146.295	191	146.104	
1	Trung tâm chính trị huyện, hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc, tường rào, cổng ngõ, nâng cấp nhà xe.	1.500	-	1.500	
2	Xây dựng mới khu cách ly tập trung phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện Phù Cát.	500	-	500	
3	Sân vận động huyện Phù Cát, hạng mục: Tường rào cổng ngõ, khán đài, mặt sân bóng đá, điện chiếu sáng và nhà bảo vệ	2.500	-	2.500	
4	Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Cát Trinh - Cát Tân	5.000	-	5.000	
5	Tăng cường cơ sở vật chất các Trường Mầm non trên địa bàn huyện Phù Cát	5.000	-	5.000	
6	Nâng cấp, cải tạo khu cách ly, điều trị bệnh nhân Covid-19 mở rộng của Trung tâm Y tế huyện Phù Cát tại khu ký túc xá thuộc cơ sở 3 trường Cao đẳng cơ điện - Xây dựng - Nông lâm Trung bộ	600	-	600	
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên huyện (Đoạn từ Quốc lộ 19B đến giáp đường trục Khu Kinh tế nổi dài)	7.000	-	7.000	
8	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cát tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư tại các xã	5.020		5.020	
9	Công trình: Đường liên huyện Phù Cát - thị xã An Nhơn, nối từ đường trục Khu kinh tế nổi dài (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát) đến Tỉnh lộ ĐT.631 (xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn)	3.705	-	3.705	
10	Công trình: Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Đông suối Ông Sung, xã Cát Tiến)	10.000	-	10.000	
11	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Hanh, tuyến: Từ cầu sắt Khánh Phước đến giáp đường liên xã	1.068	-	1.068	
12	Bồi thường GPMB dự án: Hạ tầng khu dân cư trung tâm xã Cát Tường (giai đoạn 1)	7.650	-	7.650	
13	Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển năm 2022 cho các danh mục dự án trên địa bàn huyện	96.752	191	96.561	
VI	UBND huyện Tuy Phước	34.992	-	34.992	
76	Khắc phục khẩn cấp tuyến giao thông ngã tư cây xoài đến quốc lộ 19	2.100	-	2.100	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
77	Khắc phục khẩn cấp các hư hỏng trên tuyến đường ĐH42	1.100	-	1.100	
78	XD CSHT phân khu 3, Phước Lộc	5.000	-	5.000	
79	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Lộc, Phước Hiệp và vùng phụ cận huyện Tuy Phước	5.000	-	5.000	
80	Đường ĐT640 vào Tháp Bình Lâm	5.000	-	5.000	
81	Nâng cấp tuyến đường từ ĐT636 đến ĐT.631	5.000	-	5.000	
82	Xây dựng nhà ở cho Trung đội dân quân thường trực tại Huyện đội	2.000	-	2.000	
83	Xây dựng 04 cụm trụ treo barol tuyến đường ngang Nguyễn Huệ, Đào Tấn và Xuân Diệu thị trấn Tuy Phước	600	-	600	
84	Sửa chữa Phòng Giáo dục cũ thành khu điều trị F0	600	-	600	
85	Sửa chữa Hội trường nhà văn hoá Xuân Diệu để phục vụ việc huyện Tuy Phước đón bằng công nhận chuẩn Nông thôn mới	1.100	-	1.100	
86	Sửa chữa các trường học bị hư hỏng do bão lũ	7.492	-	7.492	
VII	UBND thị xã An Nhơn	646.438	527.140	119.298	
VII.1	Ngân sách cấp thị xã	597.955	527.140	70.815	
1	Tuyến đường Bắc - Nam số 3 (đường liên phường): Đoạn từ KDC N4A (Nhơn Hưng) đến xã Nhơn Hậu (Cổng làng nghề Bún Ngải Chánh)	28.000	28.000		
2	Tuyến đường trục Đông - Tây: Đoạn từ ĐT.636, xã Nhơn Khánh kết nối với đường Quốc lộ 19	19.500	19.500		
3	Đường N4, khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng	22.000	22.000		
4	Nhà tri ân Mẹ Việt Nam anh hùng và chỉnh trang khuôn viên Tượng đài liệt sĩ thị xã	13.150	13.150		
5	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía đông (Giai đoạn 1: Thi công trục đường chính)	22.114	22.114		
6	Tuyến đường Bắc - Nam số 3 (đường liên phường): Đoạn từ Thị đội đến giáp Khu dân cư Cẩm Văn	23.320	23.320		
7	Chợ An Nhơn	16.000	16.000		
8	Tuyến đường từ ĐT.636 (Nhơn Khánh) kết nối với đường ĐH.35 Tân Dân - Bình Thạnh (Nhơn Hậu) và theo đường ĐH.35 đến đường Trường Chinh (Nhơn Hưng)	24.125	24.125		
9	Tuyến đường trục Đông - Tây: Đoạn từ Bến xe mới thị xã đến cầu Mương Đồi	49.060	49.060		
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.41 Cảnh Hàng - Phú Đa	340	340		
11	Nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ	2.500	2.500		
12	Nhà máy cấp nước sinh hoạt Nhơn Phúc - Nhơn Khánh	2.500	2.500		
13	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía đông	32.500	32.500		
14	Khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía đông	32.875	32.875		
15	Khu dân cư phía tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng	25.000	25.000		
16	Khu dân cư tiếp giáp với KDC N4A nối dài về phía tây, phường Nhơn Hưng	19.600	19.600		
17	Nghĩa trang nhân dân Nam An Nhơn (giai đoạn 1)	4.970	4.970		

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
18	Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, phường Đập Đá	21.221	21.221		
19	Tuyến giao thông hai bên kè từ cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa	6.500	6.500		
20	Kè đoạn từ cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa, thị xã An Nhơn	3.453	3.453		
21	Tuyến đường từ khu tái định cư Quốc lộ 19, Huỳnh Kim đi An Lộc, phường Nhơn Hòa	26.151	26.151		
22	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông kết nối đường trục khu kinh tế với ĐT.631 (đoạn đường trục khu kinh tế đến cây xăng Cẩm Vy, xã Nhơn Hạnh)	10.695		10.695	
23	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH.35 (đoạn từ đường trục Đông - Tây đến đường trục Bắc - Nam số 1)	13.638		13.638	
24	Hoa viên kết hợp với điểm trưng bày cây Mai vàng và các sản phẩm làng nghề truyền thống An Nhơn	6.967		6.967	
25	Công viên tại vị trí nút giao giữa đường QL1 và tuyến đường tránh QL1, phường Bình Định	5.160		5.160	
26	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Nhơn Hậu - Nhơn Khánh (đoạn từ đường ĐH.34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường ĐT.636, xã Nhơn Khánh)	16.540		16.540	
27	Tuyến đường Bắc - Nam số 2, đoạn từ đường ĐH.34, xã Nhơn Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhơn Thành	16.399		16.399	
28	Đường trục Đông Tây đoạn từ đường Trường Thi đến đường Trần Nguyên Hãn (Điểm đầu: Đường Trường Thi - Điểm cuối: đường Trần Nguyên Hãn)	1.115		1.115	
29	Xây dựng nâng cấp mở rộng giao thông tuyến đường ĐH 36 Quán Cai Ba đi Hồ núi I (đoạn từ trường THCS Nhơn Tân đến công cao Thọ Tân Bắc)	301		301	
30	Kè soi ông Thức, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	1.068	1.068		
31	Đê Bờ Mọ, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	2.436	2.436		
32	Kè Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ	2.915	2.915		
33	Khu dân cư đường Lê Hồng Phong nối dài về phía Đông	2.782	2.782		
34	GPMB phục vụ thi công nâng cấp, mở rộng đường ĐT.631	37.920	37.920		
35	GPMB phục vụ thi công nâng cấp, mở rộng đường ĐT.636	23.929	23.929		
36	Nút giao thông đường Nguyễn Nhạc đầu nối với Quốc lộ 1, phường Đập Đá	2.199	2.199		
37	Khu dân cư phía tây đường Chu Văn An, phường Nhơn Hưng	4.972	4.972		
38	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL.19B, đoạn từ Km38+200 - Km58+100 (Sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung); Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.637	369	369		
39	Khu dân cư phía nam đường Ngô Văn Sở (Đập Đá - Nhơn Hậu)	10.500	10.500		
40	Trường bắn, thao trường huấn luyện BCH Quân sự thị xã An Nhơn/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định	24.500	24.500		
41	Bãi chôn lấp chất thải rắn An Nhơn	2.210	2.210		
42	Khu căn cứ chiến đấu giả định phục vụ diễn tập KVPT thị xã	2.000	2.000		
43	Cầu Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	330	330		

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
44	Chi phí bồi thường, GPMB các công trình, dự án: Tuyến đường Bắc - Nam số 2, đoạn từ đường ĐH.34, xã Nhon Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhon Thành, Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.638 (đoạn trung tâm xã Nhon Phúc đến trung tâm xã Nhon Lộc), Đường kết nối giao thông hai tuyến ĐT.636 và ĐT.638 (xã Nhon Khánh và xã Nhon Lộc), thị xã An Nhon, ...	14.131	14.131		
VII.2	Ngân sách cấp xã, phường	43.666	-	48.483	
1	Các công trình thủy lợi tại Phường Bình Định	1.808	-	1.808	
2	Các công trình giao thông tại phường Nhon Thành	2.940	-	2.940	
3	Khu dân cư và chợ mới Cảnh hàng, khu thể dục thể thao xã Nhon Phong	2.212	-	2.212	
4	Các công trình xã Nhon Hậu	22.004	-	26.821	
1	Bố vĩa, lát gạch block và hệ thống thoát nước đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Đình Trung đến giáp nhà ông Cù Minh Nghĩa	956		956	
2	Bố vĩa, lát gạch block và hệ thống thoát nước đoạn đường từ nhà ông Trần Mãi đến nhà ông Phạm Hữu Phát	1.053		1.053	
3	Quy hoạch khu dân cư ngãi chánh 4(giai đoạn 2) hạng mục: San nền, giao thông đường bộ, hệ thống cấp thoát nước, trồng cây xanh và hệ thống điện	2.494		2.494	
4	Mở rộng tuyến giao thông công làng nghề bún tươi- khu QHDC Ngãi chánh 4	3.846		3.846	
5	Mở rộng tuyến giao thông giáp Tây phương Danh- Đập Đá đến nhà ông Nguyễn Quang Vinh	2.609		2.609	
6	Mở rộng tuyến giao thông từ giáp ngã ba tháp cánh tiên đến nhà văn hóa thôn Bắc Thuận	2.841		2.841	
7	Xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã			4.817	
8	Thảm nhựa tuyến đường nhà Bảy Quận- nhà văn hóa Bắc Nhạn Tháp	1.560		1.560	
9	Mở rộng BTXM đường giao thông từ nhà văn hóa thôn Thiết trụ đến Bara thủy lợi	1.945		1.945	
10	Quy hoạch khu dân cư ngãi chánh 4(giai đoạn 3) hạng mục: San nền, giao thông đường bộ, hệ thống cấp thoát nước, trồng cây xanh và hệ thống điện	4.700		4.700	
5	Phường Nhon Khánh	275		275	
	Đường trục xóm 2 An Hòa (ĐĐ: ĐT 636 - ĐC: Ao Cá)	275		275	
6	Phường Nhon Hòa	14.427		14.427	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực Phụ Quang đến ngã 3 xuống nhà thờ tin lành	1.306		1.306	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Khánh Dư	1.832		1.832	
3	Trụ sở, tường rào công ngõ KV Huỳnh Kim	3.245		3.245	
4	NC, MR tuyến đường Nguyễn Trung Trực	4.595		4.595	
5	Đường trục Đông Tây đoạn từ đường Trường Thi đến đường Trần Nguyên Hãn	2.027		2.027	
6	BT Nhựa đường Tú Xương và Di dời hệ thống điện chiếu sáng đường Trần Nguyên Hãn	1.421		1.421	
VIII	UBND thị xã Hoài Nhon	167.130	40.778	126.352	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng số tiền	trong đó:		Ghi chú
			Nguồn tiết kiệm chi	Các nguồn tăng thu	
VIII.1	Ngân sách cấp thị xã	106.700	16.200	90.500	
1	Cầu qua sông Lại Giang	40.000		40.000	
2	Đường kết nối cầu Phú Văn với đường Nguyễn Tất Thành và đường Biên Cương, phường Bồng Sơn	50.000		50.000	
3	Tuyến đường liên phường Hoài Tân từ Quốc lộ 1 đến phường Hoài Xuân, thị xã Hoài Nhơn, hạng mục: Hệ thống thoát nước và gia cố lề đường	500		500	
4	Xây dựng nhà thư viện, nhà bảo tàng	4.000	4.000		
5	Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (ngã ba mũi tàu, Hoài Tân) đến giáp đường Hùng Vương (ĐT.638)	12.200	12.200		
VIII.2	Ngân sách cấp xã, phường	60.430	24.578	35.852	
1	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông, thủy lợi tại Phường Hoài Thanh	2.463	2.463		
2	Xây dựng các công trình tại Phường Hoài Xuân	11.512	-	11.512	
3	Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật tại xã Hoài Phú	1.345	-	1.345	
4	Phường Tam Quan- Sân vận động Tam Quan và khu tái định cư do GPMB xây dựng sân vận động thị trấn Tam Quan	1.333	1.333		
5	Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng Xã Hoài Châu Bắc	4.144	-	4.144	
6	Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng Xã Hoài Châu	3.579	3.579		
7	Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng Xã Hoài Hải	3.579	-	3.579	
8	Duy tu, sửa chữa các tuyến giao thông các Phường Hoài Hương, Hoài Mỹ và Tam Quan Nam	976	-	976	
9	Xây dựng trường và thảm bê tông nhựa Xã Hoài Sơn	1.063		1.063	
10	Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng Phường Hoài Thanh Tây	13.233	-	13.233	
11	Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, giáo dục, y tế Phường Hoài Đức	5.393	5.483		
12	Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, giáo dục, y tế và văn hóa Phường Bồng Sơn	11.720	11.720		
IX	UBND huyện Phù Mỹ	18.778	-	18.778	
1	Đường nội bộ và hệ thống thoát nước khu tái định cư dân vùng thiên tai xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ	500		500	
2	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Chánh (giai đoạn 2)	1.500		1.500	
3	Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	3.000		3.000	
4	Xây dựng các công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	3.166		3.166	
5	Sửa chữa nhà làm việc các trụ sở	2.157		2.157	
6	Hệ thống thoát nước thị trấn Phù Mỹ	1.500		1.500	
7	GPMB công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.632, đoạn từ Km0+00 – Km7+100 (Đợt 3: Từ Km0+00 – Km1+300)	6.955		6.955	